ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/2023/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 15 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định việc quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các cơ sở nhà, đất đã có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã);

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận, huyện (sau đây gọi là tổ chức phát triển quỹ đất);

3. Sở, ban, ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý quỹ đất do Nhà nước quản lý.

Điều 3. Quỹ đất do Nhà nước quản lý

Quỹ đất do Nhà nước quản lý nêu trong quyết định này bao gồm các loại đất sau đây:

1. Đất sử dụng vào mục đích công cộng phục vụ sinh hoạt chung do Nhà nước quản lý;

2. Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là đất công ích);

3. Đất chưa sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

4. Đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông;

5. Đất sông, kênh, rạch;

6. Đất dôi dư chưa được Nhà nước thu hồi: do không còn nhu cầu sử dụng hoặc sắp xếp lại dôi dư gồm đất trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, đất thể dục thể thao, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất công trình công cộng, đất chuyên dùng khác;

7. Đất Nhà nước đã bồi thường: cơ quan nhà nước đã nhận chuyển nhượng, bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất, quỹ đất 5% bàn giao cho địa phương để phục vụ nhu cầu tái định cư cho các dự án trên địa bàn thành phố và quỹ đất 20% đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bàn giao cho địa phương để xây dựng nhà ở xã hội đối với các dự án đầu tư phát triển nhà ở;

8. Đất đã thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 64 và khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013;

9. Các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Chương II
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý

1. Ủy ban nhân dân các cấp có kế hoạch đầu tư, cải tạo đất để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

2. Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Xử lý dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm trước khi giao đất, cho thuê đất.

4. Đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý tại khoản 9 Điều 3 Quyết định này phải phù hợp quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 5. Đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất công ích, đất chưa sử dụng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, kiểm kê trên thực địa và hồ sơ địa chính để lập danh mục vị trí, diện tích, loại đất, tình trạng sử dụng các loại đất bao gồm: đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất công ích, đất chưa sử dụng nêu tại Điều 3 Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hồ sơ liên quan đến các khu đất do nhà nước quản lý thuộc phạm vi của Ủy ban nhân dân cấp xã và kê khai đăng ký theo quy định.

3. Khi có biến động về sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phải cập nhật vào hồ sơ địa chính, gửi thông báo biến động và kê khai đăng ký cho phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 6. Đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện khảo sát, đánh giá quỹ đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông để có kế hoạch khai thác, sử dụng. Đối với diện tích đất chưa xác lập hồ sơ địa chính thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đo đạc, lập hồ sơ địa chính để quản lý, cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cắm mốc, phân ranh giới giữa đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông với các loại đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền; trường hợp phát hiện mất mốc phải cắm lại mốc.

Điều 7. Đất sông, kênh, rạch

Căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu đã xác định, đất sông, kênh, rạch được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 163 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 8. Đất dôi dư chưa được Nhà nước thu hồi và đất Nhà nước đã bồi thường

Đơn vị được giao quản lý quỹ đất dôi dư chưa được Nhà nước thu hồi, đất Nhà nước đã bồi thường xong mà chưa sử dụng, có trách nhiệm cắm mốc, quản lý chặt chẽ và lập phương án đưa đất vào sử dụng, khai thác có hiệu quả.

Điều 9. Đất đã thu hồi

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và đề xuất giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức phát triển quỹ đất quản lý. Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất được giao và đề xuất phương án sử dụng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật và chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính để quản lý; báo cáo về Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận, huyện để cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 10. Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn

Khi có nhu cầu xây dựng các công trình công cộng khác tại điểm a khoản 2 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 11. Sử dụng đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông do tự khai hoang mà chưa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì liên hệ Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Đối với đất mới được bồi đắp tiếp giáp với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để kiểm tra, xác định ranh giới, mốc giới, quản lý phần đất bồi đắp. Đồng thời, tổng hợp báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Sử dụng quỹ đất thu hồi

1. Đối với quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 64 và điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án sử dụng đất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. Trường hợp người sử dụng đất là tổ chức thì phải có ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Đối với quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 64 và điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 đã giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố quản lý thì Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường lập phương án sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 13. Quy định về các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất

1. Việc giao, cho thuê các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý tại khoản 9 Điều 3 Quyết định này phải đảm bảo các điều kiện tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

2. Việc rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp được thực hiện định kỳ hàng năm, cùng với năm Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

3. Kết quả phê duyệt danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố là cơ sở để cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Việc rà soát của năm tiếp theo trên cơ sở kế thừa danh mục của năm trước, có điều chỉnh và cập nhật, bổ sung các thửa đất nhỏ hẹp khác còn thiếu hoặc các thửa đất mới phát sinh.

Điều 14. Quy định trách nhiệm rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý; lấy ý kiến người dân và công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn, đảm bảo tiêu chí theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

b) Niêm yết, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, các điểm dân cư hoặc Nhà văn hóa khu vực, ấp - nơi có thửa đất nhỏ hẹp và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời gian niêm yết, công bố công khai danh mục, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến người dân nơi có đất về tình hình tranh chấp, khiếu nại và nhu cầu sử dụng đối với các thửa đất nhỏ hẹp. Việc lấy ý kiến người dân được thực hiện bằng hình thức họp dân hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Thời gian niêm yết, công bố công khai và lấy ý kiến là 30 ngày kể từ ngày bắt đầu niêm yết.

c) Sau khi hết thời gian niêm yết, công bố công khai và lấy ý kiến người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản kết thúc việc niêm yết, công bố công khai và lấy ý kiến người dân; tổng hợp, đề xuất phương án báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các thửa đất nhỏ hẹp dự kiến sử dụng vào mục đích công cộng, các thửa đất dự kiến giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan rà soát, kiểm tra tính pháp lý của các thửa đất nhỏ hẹp, có ý kiến đối với phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp của Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Trên cơ sở thẩm định của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, lập Tờ trình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Cập nhật các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm, trình cấp thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở giao đất, cho thuê đất.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phối hợp cung cấp thông tin số thửa, số tờ bản đồ, trích lục hoặc trích đo thửa đất cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, làm cơ sở lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn quận, huyện.

b) Tổng hợp danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Tổ chức triển khai việc công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 15. Quy định việc giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý cho người sử dụng đất liền kề

1. Các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý được giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp:

a) Thửa đất chỉ có một người sử dụng đất liền kề và người sử dụng đất liền kề này có nhu cầu sử dụng thửa đất đó;

b) Thửa đất có từ hai người sử dụng đất liền kề trở lên nhưng chỉ có một người sử dụng đất liền kề có nhu cầu sử dụng thửa đất đó;

2. Căn cứ vào đơn đề nghị giao đất, cho thuê đất của người sử dụng đất liền kề, cơ quan thẩm quyền tại Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 xem xét giao đất, cho thuê đất theo quy định.

3. Việc giao đất, cho thuê đất đối với thửa đất nhỏ hẹp cho người sử dụng đất liền kề phải có ý kiến của người sử dụng đất liền kề khác về việc không có nhu cầu sử dụng thửa đất nhỏ hẹp này.

4. Sau khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, người sử dụng đất liền kề phải thực hiện thủ tục hợp thửa với thửa đất mà người sử dụng đất đang sử dụng và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 16. Quy định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý

1. Việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện trong trường hợp có từ hai người sử dụng đất liền kề trở lên có nhu cầu sử dụng thửa đất đó.

2. Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo Điều 118 và Điều 119 Luật Đất đai năm 2013.

3. Sau khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, người sử dụng đất liền kề phải thực hiện thủ tục hợp thửa đất.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Hướng dẫn địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý lập thủ tục giao đất, thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c) Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý. Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phương án sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý.

d) Chỉ đạo tổ chức phát triển quỹ đất quản lý chặt chẽ các khu đất được giao, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

đ) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai cập nhật cơ sở dữ liệu, bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính đối với quỹ đất do Nhà nước quản lý đã giao cho cơ quan, đơn vị quản lý.

e) Định kỳ vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan

a) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát, báo cáo việc quản lý, sử dụng đất Nhà nước quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận, huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai việc đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới, lập hồ sơ địa chính các khu đất đang quản lý, sử dụng.

2. Đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đất trên địa bàn lập thủ tục giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý về Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ vào ngày 05 tháng 12 hàng năm.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Thường xuyên rà soát, kiểm tra thực địa và hồ sơ địa chính để cập nhật, bổ sung danh mục đất nhà nước quản lý, cắm mốc phân ranh giới các khu đất nhà nước quản lý với đất của chủ sử dụng liền kề; có kế hoạch sử dụng đất nhà nước quản lý và phương án cho thuê đất để tăng thu ngân sách theo quy định.

3. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp xây dựng không phép, không đúng mục đích sử dụng đất, lấn, chiếm đất do nhà nước quản lý.

4. Niêm yết công khai danh sách các thửa đất do Nhà nước quản lý tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để Nhân dân biết, phát hiện các trường hợp lấn chiếm.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất nhà nước quản lý trên địa bàn về Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ vào ngày 20 tháng 11 hàng năm.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới và thời hạn sử dụng đất; bảo vệ đất, bảo vệ môi trường, không để bị lấn chiếm; sử dụng đất có hiệu quả; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng; chấp hành quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2023, thay thế Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tấn Hiển